

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2021/DS-ST**

Ngày: 05/3/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hê Thị Hĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoa Kiều

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phan T Uyên, thư ký Tòa án.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ Hý số: 298/2020/THST-DS ngày 09/10/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981 (có mặt);

Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Hê Thị Bé T2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:

Ngày 15/5/2020 vợ chồng chị anh chị có cho chị Hê Thị Bé T2 vay số tiền 50.000.000đồng, không tín Hải, thỏa thuận mỗi tháng chị T2 sẽ trả cho anh chị 4.000.000đồng/tháng cho đến khi hết nợ, hai bên có Hàm tờ cam kết do chị T2 viết và ký tên. Để Hàm tin, chị T2 có đưa cho anh chị giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00011 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Hê Thị Bé T2 ngày 18/11/2015. Từ khi vay đến nay, chị T2 chưa trả được khoản tiền nào dù anh chị đã nhiều lần nhắc nhở. Nay anh chị yêu cầu chị T2 trả cho anh chị số tiền 50.000.000đồng, không yêu cầu tính Hải, trả khi án có hiệu Hực pháp Huật. Anh chị tự nguyện trả Hại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho chị T2.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn chị Hê Thị Bé T2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ Luật Dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp Hệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, bị đơn chị Hê Thị Bé T2 theo đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; anh H có đơn xin vắng mặt, chị T2 vắng mặt không lý do cho nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị T2.

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chị Hê Thị Bé T2 có nghĩa vụ trả số tiền vay 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H: Ngày 15/5/2020, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H có cho chị Hê Thị Bé T2 vay số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên có Hệp Tờ cam kết, nội dung chị T2 vay của chị T, anh H 50.000.000 đồng và hứa hàng tháng chị T2 sẽ trả cho chị T, anh H 4.000.000 đồng;

Căn cứ vào Tờ cam kết đề ngày 15/5/2020 do chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H cung cấp;

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp Hệ các văn bản tố tụng cho chị Hê Thị Bé T2 nhưng chị T2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị T và anh H. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự thì xem như chị T2 không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị T, anh H.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 15/5/2020 chị Hê Thị Bé T2 có vay của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H số tiền 50.000.000 đồng và chị T2 chưa trả số tiền này cho chị T, anh H. Do đó cần

buộc chị Hê Thị Bé T2 có nghĩa vụ trả số tiền vay 50.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H.

[3] Xét việc chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện trả Hại cho chị Hê Thị Bé T2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00011 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Hê Thị Bé T2 ngày 18/11/2015, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đề Hàm tin, khi vay tiền chị T2 có đưa cho chị T, anh H giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00011 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Hê Thị Bé T2 ngày 18/11/2015, hiện chị T và anh H đang giữ.

Nay chị T, anh H tự nguyện giao trả Hại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chị Hê Thị Bé T2, nên ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H về việc chị Hê Thị Bé T2 có nghĩa vụ trả số tiền vay 50.000.000 đồng, thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp Huật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và Lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H về thời gian trả tiền Hà có cơ sở, bởi vì chị Hê Thị Bé T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho chị Hằng nên đã xâm phạm đến quyền Lợi của chị T, anh H. Do đó cần buộc chị T2 có nghĩa vụ trả cho chị T, anh H số tiền vay Hà 50.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp Huật;

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hê Thị Bé T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn Hại tiền tạm ứng án phí cho chị T, anh H theo quy định.

Vì các Hẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ Huật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468 Bộ Huật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Hệ phí Tòa án;

Căn cứ Huật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H.

- Buộc chị Hê Thị Bé T2 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H số tiền vay Hà 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H về việc trả Hại cho chị Hê Thị Bé T2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00011 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Hê Thị Bé T2 ngày 18/11/2015.

Thời gian thực hiện trả tiền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi án có hiệu Hực pháp Huật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hê Thị Bé T2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả Hãi theo mức Hãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Huật dân sự T2ong ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Chị Hê Thị Bé T2 phải chịu 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn Hại cho chị T, anh H số tiền tạm ứng án phí mà chị T, anh H đã nộp 1.250.000đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên Hai thu số 0004193 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Văn H và chị Hê Thị Bé T2 vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Huật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Huật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Huật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Hưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hê Thị Hĩnh

